TÒA ÁN ND HUYỆN TRIỆU SƠN **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18- 7-2018
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Hoàng Công Thịnh

Đỗ Thị Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

Ngày 18 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/QĐXX-ST ngày 18 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*Chị Hồ Thị T - Sinh năm 1997

Nơi ĐKHKTT: Thôn 6, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi ở hiện nay: Làng T, xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

- *Bị đơn:* Anh Lê Xuân S - Sinh năm 1993

Trú tại: Thôn 6, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa, có mặt chị T, vắng mặt anh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 16 tháng 03 năm 2018, các văn bản tố tụng do Tòa án tiến hành và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Hồ Thị T trình bày: Chị và anh S kết hôn với nhau ngày 09/5/2016 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 10/2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng về quan điểm, kinh tế khó khăn, chồng nghen tuông vô cớ, nghe lời mẹ nhiều lần chửi, đánh vợ; chồng và gia đình chồng không có trách nhiệm đối với khoản nợ vay để lo công việc cho chồng, chị phải nhờ ông bà ngoại vay giúp để trả nợ. Chị mất niền tin vào tình yêu

thương của chồng và gia đình chồng dẫn đến sức khỏe và tinh thần bị sa sút không thể tiếp tục chung sống được. Tháng 3/2018, chị và con phải về ở với bố mẹ đẻ, cũng từ đó vợ chồng sống ly thân, cuộc sống của ai người đó tự lo. Chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn anh S.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Xuân Đại T sinh ngày 04/8/2016, hiện cháu đang ở với chị T. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay chị đang làm việc tại Công ty TNHH T- Trung tâm thương mại S, mức lương 5.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai ngày 28 tháng 3 năm 2018, Biên bản hòa giải, anh S trình bày: Anh và chị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, được xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc đến khoảng 02/2018 thì phát sinh mâu thuẫn do cơm áo gạo tiền, áp lực cuộc sống nên đôi lúc vợ chồng có lời qua tiếng lại. Anh vẫn còn tình cảm với chị T và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi con, chị T xin ly hôn anh không đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Xuân Đại T sinh ngày 04/8/2016, hiện cháu đang ở với chị T. Anh S yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ: Anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị T nộp đơn khởi kiện xin ly hôn anh Sơn có hộ khẩu thường trú và cư trú tại Thôn 6, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Tòa án đã tống đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho anh S. Tại phiên tòa lần thứ nhất, anh S vắng mặt, HĐXX đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh S tiếp tục vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh S kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/5/2016 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình vợ chồng chung sống phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp, kinh tế gia đình khó khăn dẫn đến nhiều lần xô xát và đã sống ly thân một thời gian, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, cuộc sống của ai người đó tự lo. Anh S mong muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng anh không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, chị T vẫn tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn vì chị không còn tình cảm với anh S và không thể tiếp tục sống chung với nhau được nữa. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật

Hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, xử cho chị được ly hôn anh S.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Xuân Đại T sinh ngày 04/8/2016. Chị T và anh S đều có nguyện vọng nuôi con, nhưng xét hiện nay cháu T chưa đủ 36 tháng tuổi rất cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ. Hơn nữa từ nhỏ đến nay, cháu T ở với mẹ, được chăm sóc tốt, cháu khỏe mạnh bình thường, được chính quyền địa phương nơi cháu sinh sống xác nhận. Chị T có công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu T cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

Trong quá trình nuôi dưỡng, nếu chị T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh S có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Anh S có quyền thăm con chung, không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 BLTTDS; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về hôn nhân: Xử cho chị Hồ Thị T được ly hôn anh Lê Xuân S.

2. Về con chung: Công nhận vợ chồng có 1 con chung là cháu Lê Xuân Đại T sinh ngày 04/8/2016. Giao cháu T cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh S có quyền thăm con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ tại biên lai số 0001121 ngày 16/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn. Chị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- TAND T. Thanh Hóa;
- VKSND. Triệu Sơn;
- Chi cục THA. Triệu Sơn;
- UBND. xã P;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thu